TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/DS-ST
Ngày: 14/7/2020.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân.

2. Bà Nguyễn Thị Tạo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Trần Cao L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/7/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371A/2019/TLST- DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXX-ST ngày 11/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa ngày số: 54/2020/QĐ-ST ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Kim L, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số 380, đường N, Khóm 4, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Đào Kim Ng, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 352, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Kim L trình bày:

Vào ngày 22/5/2016 (âm lịch), bà Trần Kim L có cho ông Nguyễn Thanh H vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) có làm biên nhận có anh H, chị N đều ký tên vào biên nhận, không có thỏa thuận thời hạn hoàn trả, chị N có ký tên vào biên nhận, nhưng người nhận tiền là anh H, bà L không biết anh H vay tiền để làm gì. Đến ngày 27/6/2017 anh H có làm tờ cam kết với nội dung đến ngày 25/12/2017 (âm lịch) anh H sẽ hoàn trả cho bà L số tiền 5.000.000 đồng, tuy nhiên đến nay anh H không trả tiền cho bà L, từ khi hết thời hạn theo tờ cam kết ngày 27/6/2017, bà L đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà Trần Kim L yêu cầu anh Nguyễn Thanh H trả số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), bà L không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu chị N liên đới với anh H trả nợ cho bà L.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh H vắng mặt từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến khi Tòa án xét xử và không có văn bản trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Đào Kim Ng vắng trong quá trình Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử: Chị N có văn bản ý kiến ngày 13/02/2020 cho rằng số tiền 5.000.000 đồng là anh H vay riêng của bà L và không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Thanh H phải trả cho bà Trần Kim L số tiền 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Kim L yêu cầu anh Nguyễn Thanh H trả số tiền vốn vay là 5.000.000 đồng, căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Anh H có địa chỉ tại: ấp Tân An, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Đào Kim Ng, nhưng anh H, chị N vắng mặt không lý do và Tòa án đã hoãn phiên tòa ngày 29/6/2020, tại phiên tòa lần thứ 02 các đương sự Nguyễn Thanh H,

Nguyễn Đào Kim Ng vẫn không có mặt, không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H, chị N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà L trình bày có cho anh H vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 22/5/2016 (âm lịch), có làm biên nhận mượn tiền, bà L đưa tiền cho anh H, hai bên không có thỏa thuận thời hạn trả, sau đó bà L yêu cầu trả, nhưng anh H không trả, đến ngày 27/6/2017 thì anh H làm tờ cam kết trả nợ cho bà L, hẹn đến ngày 25/12/2017 âm lịch sẽ trả nhưng đến hạn anh H không trả cho bà L. Do đó, bà L yêu cầu anh H trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo số 203/TB-TA ngày 13/02/2020 tóm tắt nội dung vụ kiện, Anh H có mặt tại địa phương, có ký nhận thông báo thụ lý, nhưng các văn bản tố tụng khác của Tòa án anh H không nhận và Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Nhưng anh H không đến Tòa án và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn bà L yêu cầu bị đơn anh H trả tiền vay, có chứng cứ là biên nhận vay tiền ngày 22/5/2016 (âm lịch), Tờ cam kết trả nợ ngày 27/6/2017 của Hùng. Trên tờ biên nhận có chữ ký của anh H và chị N, nhưng bà L không yêu cầu chị N liên đới trả, bà L trình bày chỉ cho anh H vay số tiền 5.000.000 đồng, chị N không vay của bà L. Chị N có văn bản trình bày anh H vay 5.000.000 đồng sử dụng riêng. Quá trình giải quyết vụ án anh H không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không thể hiện ý kiến về việc có yêu cầu chị N cùng liên đới trách nhiệm trả nợ cho bà L hay không. Do đó, căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bà L yêu cầu cá nhân anh H có trách nhiệm trả số tiền vay 5.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, bà L được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Kim L.

2. Buộc anh Nguyễn Thanh H trả cho bà Trần Kim L số tiền vay 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Kim L được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007283 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nhân